

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 940/QĐ-ĐHNT, ngày 21 tháng 8 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

Tên ngành: Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 6340404

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 03 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung: Chương trình giáo dục Cao đẳng ngành QTKD cung cấp cho sinh viên môi trường giáo dục giúp sinh viên hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức kinh doanh. Có kiến thức về kinh tế-xã hội, nắm vững những lý thuyết cơ bản trong quản trị doanh nghiệp và các kỹ thuật tác nghiệp trong kinh doanh. Có các kỹ năng cơ bản cần thiết nhằm đạt được thành công về nghề nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn, đáp ứng nhu cầu xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể (Chuẩn đầu ra):

Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Quản trị kinh doanh phải có được:

A. Kiến thức:

A.1 Khả năng áp dụng các quy luật kinh tế thị trường (cung, cầu...), các biến số môi trường kinh doanh (GDP, lạm phát, thất nghiệp...), luật pháp và các chính sách để phân tích các tác động này đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

A.2 Khả năng áp dụng kiến thức cơ sở ngành để thực hiện các chức năng cơ bản của quản trị trong tổ chức: hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm soát;

A.3 Khả năng áp dụng kiến thức cốt lõi của ngành học vào thực tiễn, phân tích và xử lý thông tin về các nghiệp vụ quản lý theo các lĩnh vực chính của ngành quản trị kinh doanh:

A.3.1 Quản trị nguồn nhân lực: khả năng vận dụng các kiến thức về chuyên ngành trong việc xác định nhu cầu nhân lực, phân tích công việc, xây dựng kế hoạch tuyển dụng, chế độ lương, thưởng và phúc lợi cho người lao động, đánh giá hiệu quả công tác... để điều hành quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức, doanh nghiệp.

A.3.2 Quản trị chiến lược: khả năng phân tích và đánh giá môi trường kinh doanh, xây dựng sứ mạng và mục tiêu, hiểu rõ cách thức xây dựng chiến lược và chính sách của doanh nghiệp, việc tổ chức thực hiện, đánh giá và kiểm soát chiến lược doanh nghiệp.

A.3.3 Quản trị sản xuất và quản trị chất lượng: tính toán dự báo nhu cầu sản xuất, lập kế hoạch sản xuất, xây dựng lịch trình sản xuất, hoạch định nhu cầu vật tư, điều hành sản xuất, quản lý hàng tồn kho và quản lý chất lượng sản phẩm.

A.3.4 Quản trị marketing: thực hiện các kế hoạch marketing, hiểu rõ công tác nghiên cứu thị trường, đánh giá và lựa chọn thị trường để đạt mục tiêu đề ra.

A.4 Khả năng áp dụng kiến thức liên quan đến việc nhận diện những cơ hội kinh doanh hấp dẫn và khởi nghiệp thành công một tổ chức kinh doanh.

B. Về kỹ năng:

B.1 Có kỹ năng phân tích và ra quyết định các vấn đề thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh, bao gồm các quyết định cấp tác nghiệp thuộc các chức năng: sản xuất, marketing, nhân sự.

B.2 Có kỹ năng tư duy, sáng tạo; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, phân tích lập luận đánh giá các quy trình và giải pháp hợp lý.

B.3 Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin và khả năng ứng dụng các phần mềm xử lý dữ liệu phục vụ cho quản lý doanh nghiệp.

B.4 Kỹ năng liên quan tới việc truyền thông, giao tiếp bằng ngoại ngữ với trình độ tiếng Anh tương đương TOEIC 350 hoặc tiếng Pháp DELF A2 hoặc có chứng chỉ các ngoại ngữ tương đương cấp độ A2 – Khung chung châu Âu (Common European Framework – CEF).

C. Về phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe

C.1 Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết và thực hiện các giá trị đạo đức. Có ý thức xây dựng, bảo vệ tổ quốc và lợi ích của tập thể, bảo vệ môi trường; chủ động, tự tin và dám chịu trách nhiệm trong công việc.

C.2 Có ý thức học tập, rèn luyện để không ngừng nâng cao phẩm chất, năng lực và sức khỏe. Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao; tinh thần cầu tiến, hợp tác với các cá nhân khác trong công việc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp Cao đẳng ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc tại các vị trí:

- Chuyên viên ở bộ phận kế hoạch tổng hợp, nhân sự, nhân viên kinh doanh, thu mua, quản lý kho, quản lý sản xuất tại các đơn vị sản xuất kinh doanh, các cơ quan quản lý nhà nước.

- Trưởng các bộ phận kế hoạch, nhân sự, kinh doanh, thu mua ở các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng học phần: 42

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 92 Tín chỉ

- Khối lượng các học phần đại cương: 33 tín chỉ (chiếm 35.87%) trong đó:

+/ *Bắt buộc*: 27 tín chỉ

+/ *Tự chọn*: 6 tín chỉ

- Khối lượng các học phần chuyên môn: 59 tín chỉ, trong đó:

+/ *Bắt buộc*: 50 tín chỉ

+/ *Tự chọn*: 9 tín chỉ

- Khối lượng lý thuyết của các học phần chuyên môn: 29,5 tín chỉ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 29,5 tín chỉ

3. Nội dung chương trình:

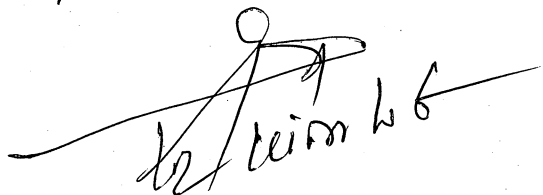
Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Đáp ứng CDR
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành ¹	Thi/Kiểm tra	
A	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG						
I	Các học phần chung	26					
<i>I.1</i>	<i>Học phần bắt buộc</i>	<i>24</i>					
	Chính trị 1	2	30	20	8	2	C1
	Chính trị 2	3	45	30	12	3	C1
	Pháp luật đại cương	2	30	22	6	2	C1, C2
	Tin học cơ sở	2	30	22	6	2	B3
	Thực hành tin học đại cương	1	15		14	1	B3
	Ngoại ngữ 1	4	60	30	26	4	B4
	Ngoại ngữ 2	4	60	30	26	4	B4
	Công tác an ninh	2	30	19	10	1	C1
	Quân sự quốc phòng	3	45	17	26	2	C1
	Điền kinh	1	15	2	12	1	C2
<i>I.2</i>	<i>Học phần tự chọn</i>	<i>2</i>					
	Bóng đá	1	15	2	12	1	C2
	Bóng chuyền	1	15	2	12	1	C2
	Cầu lông	1	15	2	12	1	C2
	Võ Thuật	1	15	2	12	1	C2
	Bơi lội	1	15	2	12	1	C2
II	Nhóm HP thuộc khối Xã hội Nhân văn	4					
<i>II.1</i>	<i>Học phần bắt buộc</i>	<i>0</i>					
<i>II.2</i>	<i>Học phần tự chọn</i>	<i>4</i>					
	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2					B2, C2
	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2					A2, B1, B2, C2
	Khởi sự kinh doanh	2					A4, B2
III	Nhóm HP thuộc khối Khoa học tự nhiên	3					
<i>III.1</i>	<i>Học phần bắt buộc</i>	<i>3</i>					

¹ Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận

	Toán B (khối ngành kinh tế, quản lý)	3					A1
III.2	Học phần tự chọn	0					
II	CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN						
II.1	Học phần cơ sở (bắt buộc)	21					
	Kinh tế vi mô	3	45	27	15	3	A1, A2
	Kinh tế vĩ mô	3	45	27	15	3	A1, A2
	Marketing căn bản	3	45	21	21	3	A3.4
	Luật kinh doanh	3	45	21	21	3	C1, C2, A1
	Nguyên lý kế toán	3	45	27	15	3	A1, A2
	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	45	27	15	3	A1, A2
	Quản trị học	3	45	21	21	3	A2, A3.1, A3.2, A3.3, A3.4
II.2	Học phần chuyên môn	38					
II.2.1	Học phần bắt buộc	29					
	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	21	21	3	A3.1, B1, B2
	Quản trị chất lượng	3	45	21	21	3	A3.3, B1, B2
	Quản trị sản xuất	4	60	31	25	4	A3.3, B1, B2
	Quản trị chiến lược	4	60	31	25	4	A3.2, B1, B2
	Quản trị và điều hành văn phòng	3	45	21	21	3	A3.1, B1, B2
	Quản trị hệ thống thông tin	3	45	21	21	3	A2, B2, B3
	Lập kế hoạch kinh doanh	3	45	12	30	3	A4, B1, B2, B3
	Thực hành nghề nghiệp (8 tuần)	6	90	0	86	4	A1, A2, A3, B1, B2, B3, C2
II.2.2	Học phần tự chọn	9					
	Quản trị Marketing	3	45	21	21	3	A3.4, B1, B2
	Quản trị tài chính	3	45	27	15	3	A1, A2, B1
	Quản trị thương hiệu	3	45	27	15	3	A1, A2, B1, B2

Quản trị rủi ro và bảo hiểm trong kinh doanh	3	45	21	21	3	A1, A3.2, B1, B2
Quản trị công nghệ và đổi mới	3	45	27	15	3	A1, A2, B1, B3
Quản trị chuỗi cung ứng	3	45	21	21	3	A1, A2, A3.3, B1, B2
Hành vi tổ chức	3	45	21	21	3	A3.1, B1, B2
Đàm phán trong kinh doanh	3	45	21	21	3	A2, B1, B2
Tổng cộng	92					

P. TRƯỞNG KHOA/VIỆN

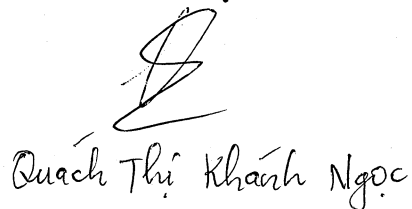


P. TRƯỞNG PHÒNG ĐTDH



Lê Văn Phương

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT



Quách Thị Khánh Ngọc

HIỆU TRƯỞNG




Trương Thị Trung